

Số: 92 /QĐ-CDYT

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẮC NINH

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp theo niên chế, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ vào Biên bản số 106/BB-CDYT ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo - Nghiên cứu khoa học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cao đẳng Được cho 25 sinh viên lớp CD D6A4 và 01 sinh viên lớp CD D5A0, ngành dược, trình độ cao đẳng, kể từ ngày ký quyết định (có danh sách sinh viên và xếp loại tốt nghiệp kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) trưởng phòng, khoa và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, P. QLĐT - NCKH.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Dung



TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẮC NINH
HỘI ĐỒNG XÉT VÀ CNTN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: 42/QĐ-CDYT ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh)

Ngành đào tạo: Dược

Trình độ: Cao đẳng

I. LỚP CD D6A4, KHÓA TUYỂN SINH 2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Số TC xét hạ bậc bằng	Kỷ luật	Xếp loại TN	Ghi chú
1	Bùi Thị Vân Anh	13/01/2002	Nữ	Bắc Ninh	79	8.0	3.42		Không	Giỏi	
2	Hoàng Thị Bắc	13/02/1990	Nữ	Thanh Hóa	79	7.3	2.89		Không	Khá	
3	Nguyễn Thị Chi	07/4/1990	Nữ	Bắc Ninh	79	7.6	3.08		Không	Giỏi	
4	Phạm Thị Dung	07/7/1993	Nữ	Bắc Ninh	79	7.7	3.2		Không	Giỏi	
5	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/12/1986	Nữ	Bắc Ninh	79	8.1	3.51		Không	Xuất sắc	
6	Phùng Đức Hoàng	28/11/1996	Nam	Bắc Ninh	79	7.7	3.22		Không	Giỏi	
7	Nguyễn Quang Hợp	27/7/1987	Nam	Bắc Ninh	79	8.1	3.46		Không	Giỏi	
8	Ngô Thị Hương	21/11/1989	Nữ	Bắc Ninh	79	7.8	3.25		Không	Giỏi	
9	Nguyễn Kim Kỳ	18/8/1995	Nữ	Bắc Ninh	79	7.5	3.07		Không	Giỏi	
10	Nguyễn Thị Lụa	16/7/1991	Nữ	Bắc Ninh	79	8.1	3.4		Không	Giỏi	
11	Vũ Thị Nam	17/10/1990	Nữ	Bắc Ninh	79	8.4	3.72		Không	Xuất sắc	
12	Nguyễn Thị Ngọc	02/02/1999	Nữ	Bắc Ninh	79	8.1	3.47	6 (HD-DL I, DL 2)	Không	Khá	Hà 1 bậc bằng từ Giỏi xuống Khá
13	Nguyễn Thành Nguyên	14/5/1996	Nam	Bắc Ninh	79	7.6	3.13		Không	Giỏi	



Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Số TC xét hạ bậc bằng	Kỳ luật	Xếp loại TN	Ghi chú
14	Nguyễn Thị Phương	19/12/1992	Nữ	Bắc Ninh	79	8.1	3.44		Không	Giỏi	
15	Nguyễn Thị Quý	31/10/1993	Nữ	Thành phố Hà Nội	79	7.7	3.16		Không	Giỏi	
16	Nguyễn Thị Quyên	04/5/1990	Nữ	Bắc Ninh	79	8.1	3.41		Không	Giỏi	
17	Dương Thị Phương Thủy	08/8/1990	Nữ	Bắc Ninh	79	8.1	3.47		Không	Giỏi	
18	Chu Tam Tuấn	09/11/1978	Nam	Bắc Ninh	79	8.0	3.37		Không	Giỏi	
19	Hoàng Thu Thanh	06/9/1998	Nữ	Tuyên Quang	79	7.3	2.87		Không	Khá	
20	Nguyễn Tiến Thịnh	25/10/2002	Nam	Bắc Ninh	80	8.2	3.52		Không	Xuất sắc	
21	Trần Thị Giang	10/01/1995	Nữ	Bắc Ninh	80	8.4	3.66	7 (TVD, HPT II)	Không	Giỏi	Hạ 1 bậc bằng từ Xuất sắc xuống Giỏi
22	Nguyễn Thị Hồng	01/10/1982	Nữ	Bắc Ninh	80	8.3	3.60		Không	Xuất sắc	
23	Nguyễn Thị Lo	12/5/1997	Nữ	Bắc Ninh	80	7.9	3.37		Không	Giỏi	
24	Vũ Thị Vân Nga	26/02/1988	Nữ	Bắc Ninh	80	8.0	3.31	5 (HPT I, VPTT)	Không	Khá	Hạ 1 bậc bằng từ Giỏi xuống Khá
25	Lê Thu Thủy	10/8/2001	Nữ	Hồ Chí Minh	80	7.7	3.13		Cảnh cáo cấp trường (HK II)	Khá	Hạ 1 bậc bằng từ Giỏi xuống Khá

II. LỚP CD D5A0, KHÓA TUYỂN SINH 2022

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Số TC xét hạ bậc bằng	Kỳ luật	Xếp loại TN	Ghi chú
1	Phạm Thanh Ngân	17/10/2003	Nữ	Bắc Ninh	90	7.0	2.74		Không	Khá	